

Bộ chỉ số HOSE-Index

Ngày cập nhật: 29/04/2026

HOSE-Index là bộ chỉ số vốn hóa có thể đầu tư được bao gồm các cổ phiếu niêm yết trên Sở GDCK TP.HCM (HOSE) đáp ứng các yêu cầu sàng lọc về tư cách, tỷ lệ tự do chuyển nhượng và thanh khoản. HOSE-Index chiếm hơn 90% giá trị giao dịch và hơn 80% giá trị vốn hóa của toàn thị trường chứng khoán niêm yết tại HOSE.

Cấu trúc Bộ chỉ số HOSE-Index

VNAllshare là chỉ số vốn hóa bao gồm các cổ phiếu niêm yết trên HOSE đáp ứng các yêu cầu sàng lọc về tư cách, tỷ lệ tự do chuyển nhượng và thanh khoản.

VN30 là chỉ số vốn hóa được thiết kế để đo lường mức tăng trưởng của 30 công ty hàng đầu về vốn hóa thị trường và thanh khoản trong VNAllshare.

VNMidcap là chỉ số vốn hóa đo lường mức tăng trưởng của 70 công ty có quy mô vừa trong VNAllshare.

VN100 là chỉ số vốn hóa kết hợp các cổ phiếu thành phần của VN30 và VNMidcap.

VNSmallcap là chỉ số vốn hóa được thiết kế để đo lường mức tăng trưởng của các công ty có quy mô nhỏ trong VNAllshare.

VNAllshare Sector Indices bao gồm các chỉ số ngành với các cổ phiếu thành phần của chỉ số VNAllShare được phân ngành theo chuẩn phân ngành Global Industry Classification Standard (GICS®).

Đặc điểm chung

Mục tiêu

Bộ chỉ số được thiết kế với mục đích tham chiếu cho thị trường và làm cơ sở xây dựng các sản phẩm dựa trên chỉ số như quỹ đầu tư theo chỉ số, sản phẩm phái sinh, ...

Khả năng đầu tư

Bộ chỉ số được sàng lọc và tính toán dựa trên tỷ lệ tự do chuyển nhượng để đảm bảo khả năng đầu tư được.

Thanh khoản

Các cổ phiếu thành phần được sàng lọc về thanh khoản để đảm bảo chỉ số có thể giao dịch được.

Minh bạch

Bộ chỉ số sử dụng các quy tắc xây dựng và quản lý minh bạch. Quy tắc xây dựng và quản lý Bộ chỉ số HOSE-Index được công bố trên trang chủ của HOSE.

Tần suất tính toán

Bộ chỉ số được tính theo thời gian thực hoặc tại cuối ngày giao dịch.

Xem xét định kỳ

Bán niên vào tháng 1 và tháng 7 hàng năm

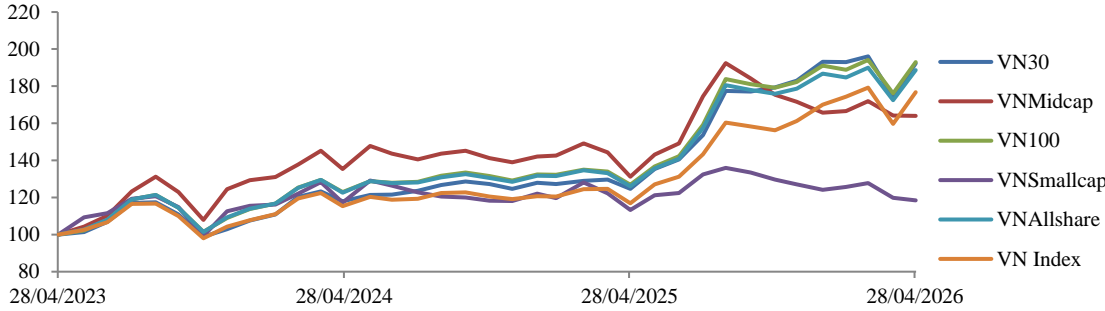
Giới hạn tỷ trọng vốn hóa

10% (VNAllshare Sector không áp dụng)

Phương pháp tính chỉ số

Giá trị vốn hóa điều chỉnh free-float.

Tăng trưởng chỉ số từ 28/04/2023 đến 29/04/2026



* Các chỉ số trên được giá lập tái cơ sở thành 100 vào thời điểm 28/04/2023

Tăng trưởng chỉ số

	Tăng trưởng (%)									Tăng trưởng bình quân năm (%)	
	2023	2024	2025	1 tháng	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	5 năm	3 năm	5 năm
VNAllShare	14.75%	15.89%	41.78%	9.46%	2.17%	7.25%	49.80%	88.75%	53.92%	23.58%	9.01%
VN30	8.04%	18.83%	51.18%	10.56%	-0.35%	7.29%	54.44%	92.38%	54.14%	24.37%	9.04%
VNMidcap	28.82%	10.39%	16.69%	-0.05%	-1.48%	-6.48%	25.00%	64.04%	47.90%	17.94%	8.14%
VN100	13.95%	16.62%	44.37%	9.58%	2.16%	7.66%	52.02%	92.92%	56.01%	24.49%	9.30%
VNSmallcap	25.06%	5.92%	1.38%	-1.08%	-5.78%	-8.66%	4.55%	18.44%	9.69%	5.80%	1.87%
VN-Index	8.24%	11.93%	40.54%	10.73%	1.37%	13.08%	51.19%	76.73%	49.26%	20.90%	8.34%

Độ biến động chỉ số

	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	5 năm
VNAllShare	12.72%	16.14%	21.68%	33.61%	46.94%
VN30	13.07%	16.23%	21.92%	33.13%	46.49%
VNMidcap	13.39%	17.71%	24.24%	38.96%	59.10%
VN100	12.89%	16.44%	22.09%	33.98%	48.82%
VNSmallcap	9.64%	11.36%	16.35%	31.06%	48.81%
VN-Index	12.84%	16.00%	20.67%	31.63%	43.71%

Độ tương quan chỉ số với VN Index

	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	5 năm
VNAllShare	98.06%	97.08%	97.65%	98.30%	98.54%
VN30	96.75%	96.36%	96.55%	97.09%	96.96%
VNMidcap	84.18%	79.32%	82.52%	88.78%	81.83%
VN100	97.96%	97.07%	97.63%	98.25%	94.94%
VNSmallcap	83.94%	77.21%	77.08%	84.02%	82.93%

Đặc điểm chỉ số

	VNAllshare	VN30	VNMidcap	VN100	VNSmallcap
Số lượng cổ phiếu thành phần	301	30	70	100	201
Giá trị vốn hóa (Tỷ đồng)	7,955,773	6,255,873	1,396,482	7,652,354	303,419
Giá trị vốn hóa có điều chỉnh free-float (Tỷ đồng)	3,275,407	2,454,188	678,070	3,132,259	143,149
Trung bình	10,882	81,806	9,687	31,323	712
Cao nhất	577,182	577,182	40,920	577,182	7,384
Thấp nhất	10	4,720	1,204	1,204	10
Trung vị	956	52,937	6,901	9,837	413
Tỷ trọng vốn hóa của công ty lớn nhất trong rổ	17.62%	23.52%	6.03%	18.43%	5.16%
Tỷ trọng vốn hóa của 10 công ty lớn nhất trong rổ	52.15%	69.60%	40.68%	54.54%	26.62%

Lưu ý:

"VN30", "VNMidcap", "VNSmallCap", "VN100", "VNAllshare" và "VNAllshare Sector" (gọi chung là "HOSE-Index") là thương hiệu đã được đăng ký, thuộc sở hữu độc quyền của Sở GDCK Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE). Chi khi có sự chấp thuận của HOSE thì Bộ chỉ số HOSE-Index mới có thể được sử dụng để tạo ra các sản phẩm liên quan như quỹ đầu tư theo chỉ số, sản phẩm phái sinh, ... Để biết thêm thông tin xin vui lòng liên hệ qua e-mail: index@hsx.vn

Bản công bố này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin. HOSE đã nỗ lực hết mức có thể để cung cấp thông tin chính xác, tuy nhiên sẽ không có nghĩa vụ pháp lý hoặc trách nhiệm nào cho HOSE cũng như ban giám đốc, cán bộ, nhân viên, đối tác hoặc người nhượng quyền của HOSE liên quan đến sai sót hoặc tổn thất gây ra bởi việc sử dụng bất kỳ thông tin hoặc dữ liệu nào thuộc công bố này.

Sở Giao Dịch Chứng Khoán Thành phố Hồ Chí Minh

Số 16 Võ Văn Kiệt, Phường Bến Thành, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84.8) 3821.7713 - Fax: (84.8) 3821.7452

Website: www.hsx.vn



VNAllshare là chỉ số vốn hóa bao gồm các cổ phiếu niêm yết trên HOSE đáp ứng các yêu cầu sàng lọc về tư cách, tỷ lệ tự do chuyển nhượng và thanh khoản.

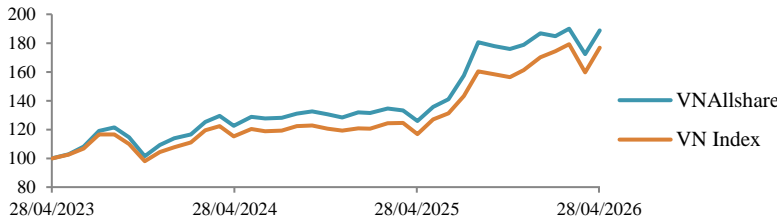
Đặc điểm chỉ số

	301
Giá trị vốn hóa (Tỷ đồng)	7,955,773
Giá trị vốn hóa có điều chỉnh free-float (Tỷ đồng)	3,275,407
Trung bình	10,882
Cao nhất	577,182
Thấp nhất	10
Trung vị	956
Tỷ trọng vốn hóa của công ty lớn nhất trong rổ	17.62%
Tỷ trọng vốn hóa của 10 công ty lớn nhất trong rổ	52.15%

Thông tin cơ bản

Ngày cơ sở: 24/01/2014
 Giá trị cơ sở: 560.19
Hình thức tính: Chỉ số giá và Chỉ số tổng thu nhập
Tần suất tính:
 - VNAllshare: Theo thời gian thực (5 giây/ lần)
 - VNAllshareTRI: Cuối ngày giao dịch (1 ngày/lần)
Giới hạn tỷ trọng vốn hóa: 10%
Phương pháp tính: Giá trị vốn hóa thị trường điều chỉnh free-float.
Đơn vị tiền tệ: VND

Tăng trưởng chỉ số từ 28/04/2023 đến 29/04/2026



* Các chỉ số trên được giả lập tái cơ sở thành 100 vào thời điểm 28/04/2023

Độ biến động chỉ số

	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	5 năm
VNAllshare	12.72%	16.14%	21.68%	33.61%	46.94%

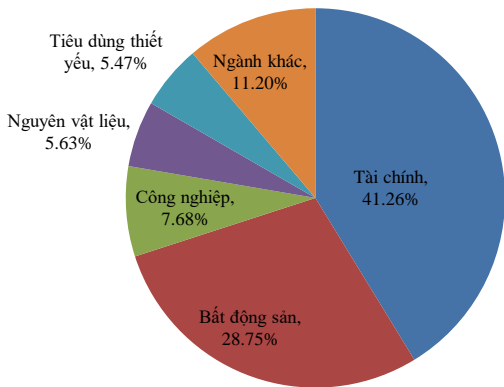
Độ tương quan chỉ số với VN Index

	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	5 năm
VNAllshare	98.06%	97.08%	97.65%	98.30%	98.54%

Tăng trưởng chỉ số

	Tăng trưởng (%)						Tăng trưởng bình quân năm (%)				
	2023	2024	2025	1 tháng	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	5 năm		
VNAllshare	14.75%	15.89%	41.78%	9.46%	2.17%	7.25%	49.80%	88.75%	53.92%	23.58%	9.01%

Tỷ trọng vốn hóa thị trường theo ngành



10 công ty đứng đầu theo vốn hóa thị trường

	Cổ phiếu	Ngành	GTVH điều chỉnh free-float (Tỷ đồng)	Tỷ trọng
1	VIC	Bất động sản	577,182	17.62%
2	VHM	Bất động sản	179,905	5.49%
3	LPB	Tài chính	134,234	4.10%
4	TCB	Tài chính	131,928	4.03%
5	VPB	Tài chính	126,149	3.85%
6	STB	Tài chính	120,889	3.69%
7	HPG	Nguyên vật liệu	117,147	3.58%
8	FPT	Công nghệ thông tin	109,323	3.34%
9	HDB	Tài chính	106,512	3.25%
10	MBB	Tài chính	104,916	3.20%
	Tổng cộng		1,708,185	52.15%

Top 5 ngành đứng đầu theo vốn hóa thị trường

Ngành	Số lượng công ty	GTVH điều chỉnh free-float (Tỷ đồng)	Tỷ trọng
Tài chính	42	1,351,515	41.26%
Bất động sản	43	941,522	28.75%
Công nghiệp	78	251,690	7.68%
Nguyên vật liệu	45	184,512	5.63%
Tiêu dùng thiết yếu	25	179,203	5.47%

Lưu ý:
 "VN30", "VNMidcap", "VNSmallCap", "VN100", "VNAllshare" và "VNAllshare Sector" (gọi chung là "HOSE-Index") là thương hiệu đã được đăng ký, thuộc sở hữu độc quyền của Sở GDCK Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE). Chỉ khi có sự chấp thuận của HOSE thì Bộ chỉ số HOSE-Index mới có thể được sử dụng để tạo ra các sản phẩm liên quan như quỹ đầu tư theo chỉ số, sản phẩm phái sinh, Để biết thêm thông tin xin vui lòng liên hệ qua e-mail: index@hsx.vn
 Bản công bố này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin. HOSE đã nỗ lực hết mức có thể để cung cấp thông tin chính xác, tuy nhiên sẽ không có nghĩa vụ pháp lý hoặc trách nhiệm nào cho HOSE cũng như ban giám đốc, cán bộ, nhân viên, đối tác hoặc người nhượng quyền của HOSE liên quan đến sai sót hoặc tổn thất gây ra bởi việc sử dụng bất kỳ thông tin hoặc dữ liệu nào thuộc công bố này.

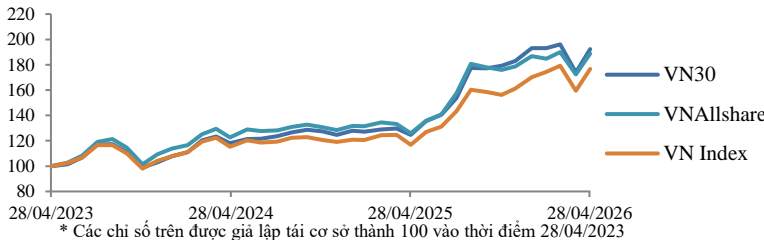


VN30 là chỉ số vốn hóa được thiết kế để đo lường mức tăng trưởng của 30 công ty hàng đầu về vốn hóa thị trường và thanh khoản trong VNAllshare.

Đặc điểm chỉ số

	30
Giá trị vốn hóa (Tỷ đồng)	6,255,873
Giá trị vốn hóa có điều chỉnh free-float (Tỷ đồng)	2,454,188
Trung bình	81,806
Cao nhất	577,182
Thấp nhất	4,720
Trung vị	52,937
Tỷ trọng vốn hóa của công ty lớn nhất trong rổ	23.52%
Tỷ trọng vốn hóa của 10 công ty lớn nhất trong rổ	69.60%

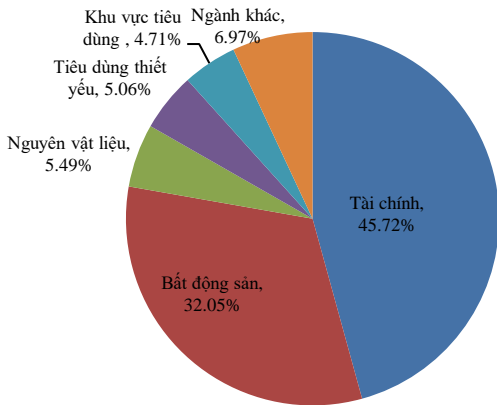
Tăng trưởng chỉ số từ 28/04/2023 đến 29/04/2026



Tăng trưởng chỉ số

	Tăng trưởng (%)						Tăng trưởng bình quân năm (%)				
	2023	2024	2025	1 tháng	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	5 năm		
VN30	8.04%	18.83%	51.18%	10.56%	-0.35%	7.29%	54.44%	92.38%	54.14%	24.37%	9.04%

Tỷ trọng vốn hóa thị trường theo ngành



Top 5 ngành đứng đầu theo vốn hóa thị trường

Ngành	Số lượng công ty	GTVH điều chỉnh free-float (Tỷ đồng)	Tỷ trọng
Tài chính	15	1,122,149	45.72%
Bất động sản	3	786,445	32.05%
Nguyên vật liệu	3	134,752	5.49%
Tiêu dùng thiết yếu	3	124,240	5.06%
Khu vực tiêu dùng	2	115,566	4.71%

Thông tin cơ bản

Ngày cơ sở: 02/01/2009
 Giá trị cơ sở: 313.34
Hình thức tính: Chỉ số giá và Chỉ số tổng thu nhập
Tần suất tính:
 - VN30: Theo thời gian thực (5 giây/ lần)
 - VN30TRI: Cuối ngày giao dịch (1 ngày/lần)
Giới hạn tỷ trọng vốn hóa: 10%
Phương pháp tính: Giá trị vốn hóa thị trường điều chỉnh free-float.
Đơn vị tiền tệ: VND

Độ biến động chỉ số

	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	5 năm
VN30	13.07%	16.23%	21.92%	33.13%	46.49%

Độ tương quan chỉ số với VN Index

	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	5 năm
VN30	96.75%	96.36%	96.55%	97.09%	96.96%

10 công ty đứng đầu theo vốn hóa thị trường

	Cổ phiếu	Ngành	GTVH điều chỉnh free-float (Tỷ đồng)	Tỷ trọng
1	VIC	Bất động sản	577,182	23.52%
2	VHM	Bất động sản	179,905	7.33%
3	LPB	Tài chính	134,234	5.47%
4	TCB	Tài chính	131,928	5.38%
5	VPB	Tài chính	126,149	5.14%
6	STB	Tài chính	120,889	4.93%
7	HPG	Nguyên vật liệu	117,147	4.77%
8	FPT	Công nghệ thông tin	109,323	4.45%
9	HDB	Tài chính	106,512	4.34%
10	MBB	Tài chính	104,916	4.27%
	Tổng cộng		1,708,185	69.60%

Lưu ý:
 "VN30", "VNMidcap", "VNSmallCap", "VN100", "VNAllshare" và "VNAllshare Sector" (gọi chung là "HOSE-Index") là thương hiệu đã được đăng ký, thuộc sở hữu độc quyền của Sở GDCK Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE). Chỉ khi có sự chấp thuận của HOSE thì Bộ chỉ số HOSE-Index mới có thể được sử dụng để tạo ra các sản phẩm liên quan như quỹ đầu tư theo chỉ số, sản phẩm phái sinh, ... Để biết thêm thông tin xin vui lòng liên hệ qua e-mail: index@hsx.vn
 Bản công bố này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin. HOSE đã nỗ lực hết mức có thể để cung cấp thông tin chính xác, tuy nhiên sẽ không có nghĩa vụ pháp lý hoặc trách nhiệm nào cho HOSE cũng như ban giám đốc, cán bộ, nhân viên, đối tác hoặc người nhượng quyền của HOSE liên quan đến sai sót hoặc tổn thất gây ra bởi việc sử dụng bất kỳ thông tin hoặc dữ liệu nào thuộc công bố này.

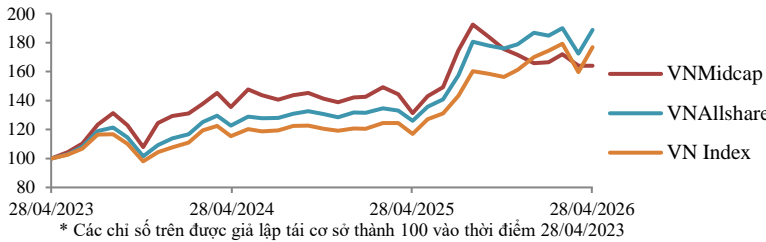


VNMidcap là chỉ số vốn hóa đo lường mức tăng trưởng của 70 công ty có quy mô vừa trong VNAllshare.

Đặc điểm chỉ số

	70
Giá trị vốn hóa (Tỷ đồng)	1,396,482
Giá trị vốn hóa có điều chỉnh free-float (Tỷ đồng)	678,070
Trung bình	9,687
Cao nhất	40,920
Thấp nhất	1,204
Trung vị	6,901
Tỷ trọng vốn hóa của công ty lớn nhất trong rổ	6.03%
Tỷ trọng vốn hóa của 10 công ty lớn nhất trong rổ	40.68%

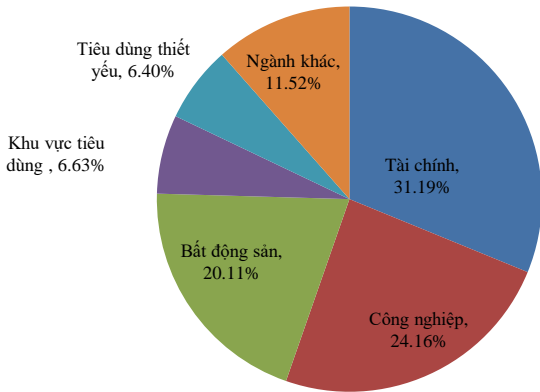
Tăng trưởng chỉ số từ 28/04/2023 đến 29/04/2026



Tăng trưởng chỉ số

	Tăng trưởng (%)						Tăng trưởng bình quân năm (%)				
	2023	2024	2025	1 tháng	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	5 năm		
VNMidcap	28.82%	10.39%	16.69%	-0.05%	-1.48%	-6.48%	25.00%	64.04%	47.90%	17.94%	8.14%

Tỷ trọng vốn hóa thị trường theo ngành



Top 5 ngành đứng đầu theo vốn hóa thị trường

Ngành	Số lượng công ty	GTVH điều chỉnh free-float (Tỷ đồng)	Tỷ trọng
Tài chính	14	211,462	31.19%
Công nghiệp	19	163,799	24.16%
Bất động sản	13	136,372	20.11%
Khu vực tiêu dùng	2	44,951	6.63%
Tiêu dùng thiết yếu	7	43,402	6.40%

Thông tin cơ bản

Ngày cơ sở: 24/01/2014
 Giá trị cơ sở: 560.19
Hình thức tính: Chỉ số giá và Chỉ số tổng thu nhập
Tần suất tính:
 - VNMidcap: Theo thời gian thực (5 giây/ lần)
 - VNMidcapTRI: Cuối ngày giao dịch (1 ngày/lần)
Giới hạn tỷ trọng vốn hóa: 10%
Phương pháp tính: Giá trị vốn hóa thị trường điều chỉnh free-float.
Đơn vị tiền tệ: VND

Độ biến động chỉ số

	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	5 năm
VNMidcap	13.39%	17.71%	24.24%	38.96%	59.10%

Độ tương quan chỉ số với VN Index

	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	5 năm
VNMidcap	84.18%	79.32%	82.52%	88.78%	81.83%

10 công ty đứng đầu theo vốn hóa thị trường

	Cổ phiếu	Ngành	GTVH điều chỉnh free-float (Tỷ đồng)	Tỷ trọng
1	VIX	Tài chính	40,920	6.03%
2	EIB	Tài chính	32,411	4.78%
3	PNJ	Khu vực tiêu dùng	30,995	4.57%
4	NVL	Bất động sản	29,742	4.39%
5	MSB	Tài chính	29,250	4.31%
6	GMD	Công nghiệp	28,904	4.26%
7	GEX	Công nghiệp	24,699	3.64%
8	VCI	Tài chính	21,048	3.10%
9	NAB	Tài chính	19,353	2.85%
10	KDH	Bất động sản	18,528	2.73%
	Tổng cộng		275,848	40.68%

Lưu ý:
 "VN30", "VNMidcap", "VNSmallCap", "VN100", "VNAllshare" và "VNAllshare Sector" (gọi chung là "HOSE-Index") là thương hiệu đã được đăng ký, thuộc sở hữu độc quyền của Sở GDCK Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE). Chỉ khi có sự chấp thuận của HOSE thì Bộ chỉ số HOSE-Index mới có thể được sử dụng để tạo ra các sản phẩm liên quan như quỹ đầu tư theo chỉ số, sản phẩm phái sinh, Để biết thêm thông tin xin vui lòng liên hệ qua e-mail: index@hsx.vn
 Bản công bố này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin. HOSE đã nỗ lực hết mức có thể để cung cấp thông tin chính xác, tuy nhiên sẽ không có nghĩa vụ pháp lý hoặc trách nhiệm nào cho HOSE cũng như ban giám đốc, cán bộ, nhân viên, đối tác hoặc người nhượng quyền của HOSE liên quan đến sai sót hoặc tổn thất gây ra bởi việc sử dụng bất kỳ thông tin hoặc dữ liệu nào thuộc công bố này.

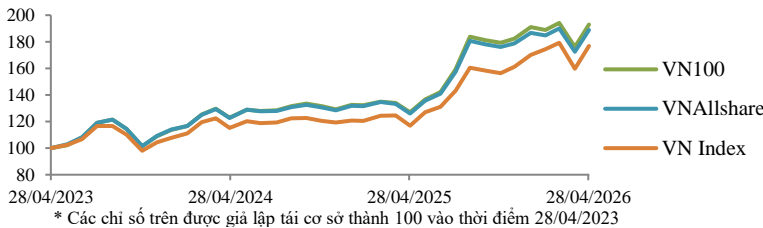


VN100 là chỉ số vốn hóa kết hợp các cổ phiếu thành phần của VN30 và VNMidcap.

Đặc điểm chỉ số

	100
Giá trị vốn hóa (Tỷ đồng)	7,652,354
Giá trị vốn hóa có điều chỉnh free-float (Tỷ đồng)	3,132,259
Trung bình	31,323
Cao nhất	577,182
Thấp nhất	1,204
Trung vị	9,837
Tỷ trọng vốn hóa của công ty lớn nhất trong rổ	18.43%
Tỷ trọng vốn hóa của 10 công ty lớn nhất trong rổ	54.54%

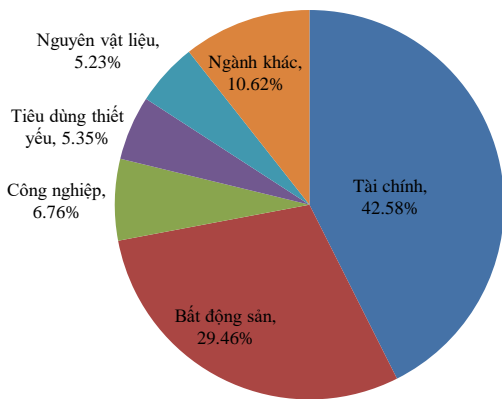
Tăng trưởng chỉ số từ 28/04/2023 đến 29/04/2026



Tăng trưởng chỉ số

	Tăng trưởng (%)						Tăng trưởng bình quân năm (%)				
	2023	2024	2025	1 tháng	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	5 năm		
VN100	13.95%	16.62%	44.37%	9.58%	2.16%	7.66%	52.02%	92.92%	56.01%	24.49%	9.30%

Tỷ trọng vốn hóa thị trường theo ngành



Top 5 ngành đứng đầu theo vốn hóa thị trường

Ngành	Số lượng công ty	GTVH điều chỉnh free-float (Tỷ đồng)	Tỷ trọng
Tài chính	29	1,333,611	42.58%
Bất động sản	16	922,817	29.46%
Công nghiệp	20	211,719	6.76%
Tiêu dùng thiết yếu	10	167,643	5.35%
Nguyên vật liệu	9	163,685	5.23%

Thông tin cơ bản

Ngày cơ sở: 24/01/2014
 Giá trị cơ sở: 560.19
Hình thức tính: Chỉ số giá và Chỉ số tổng thu nhập
Tần suất tính:
 - VN100: Theo thời gian thực (5giây/lần)
 - VN100TRI: Cuối ngày giao dịch (1 ngày/lần)
Giới hạn tỷ trọng vốn hóa: 10%
Phương pháp tính: Giá trị vốn hóa thị trường điều chỉnh free-float.
Đơn vị tiền tệ: VND

Độ biến động chỉ số

	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	5 năm
VN100	12.89%	16.44%	22.09%	33.98%	48.82%

Độ tương quan chỉ số với VN Index

	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	5 năm
VN100	97.96%	97.07%	97.63%	98.25%	94.94%

10 công ty đứng đầu theo vốn hóa thị trường

	Cổ phiếu	Ngành	GTVH điều chỉnh free-float (Tỷ đồng)	Tỷ trọng
1	VIC	Bất động sản	577,182	18.43%
2	VHM	Bất động sản	179,905	5.74%
3	LPB	Tài chính	134,234	4.29%
4	TCB	Tài chính	131,928	4.21%
5	VPB	Tài chính	126,149	4.03%
6	STB	Tài chính	120,889	3.86%
7	HPG	Nguyên vật liệu	117,147	3.74%
8	FPT	Công nghệ thông tin	109,323	3.49%
9	HDB	Tài chính	106,512	3.40%
10	MBB	Tài chính	104,916	3.35%
	Tổng cộng		1,708,185	54.54%

Lưu ý:
 "VN30", "VNMidcap", "VNSmallCap", "VN100", "VNAllshare" và "VNAllshare Sector" (gọi chung là "HOSE-Index") là thương hiệu đã được đăng ký, thuộc sở hữu độc quyền của Sở GDCK Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE). Chỉ khi có sự chấp thuận của HOSE thì Bộ chỉ số HOSE-Index mới có thể được sử dụng để tạo ra các sản phẩm liên quan như quỹ đầu tư theo chỉ số, sản phẩm phái sinh, ... Để biết thêm thông tin xin vui lòng liên hệ qua e-mail: index@hsx.vn
 Bản công bố này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin. HOSE đã nỗ lực hết mức có thể để cung cấp thông tin chính xác, tuy nhiên sẽ không có nghĩa vụ pháp lý hoặc trách nhiệm nào cho HOSE cũng như ban giám đốc, cán bộ, nhân viên, đối tác hoặc người nhượng quyền của HOSE liên quan đến sai sót hoặc tổn thất gây ra bởi việc sử dụng bất kỳ thông tin hoặc dữ liệu nào thuộc công bố này.

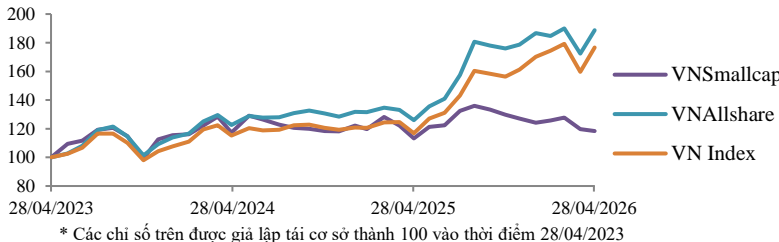


VNSmallcap là chỉ số vốn hóa được thiết kế để đo lường mức tăng trưởng của các công ty có quy mô nhỏ trong VNAllshare.

Đặc điểm chỉ số

	201
Giá trị vốn hóa (Tỷ đồng)	303,419
Giá trị vốn hóa có điều chỉnh free-float (Tỷ đồng)	143,149
Trung bình	712
Cao nhất	7,384
Thấp nhất	10
Trung vị	413
Tỷ trọng vốn hóa của công ty lớn nhất trong rổ	5.16%
Tỷ trọng vốn hóa của 10 công ty lớn nhất trong rổ	26.62%

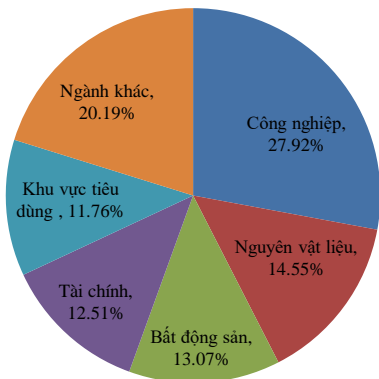
Tăng trưởng chỉ số từ 28/04/2023 đến 29/04/2026



Tăng trưởng chỉ số

	Tăng trưởng (%)						Tăng trưởng bình quân năm (%)				
	2023	2024	2025	1 tháng	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	5 năm		
VNSmallcap	25.06%	5.92%	1.38%	-1.08%	-5.78%	-8.66%	4.55%	18.44%	9.69%	5.80%	1.87%

Tỷ trọng vốn hóa thị trường theo ngành



Top 5 ngành đứng đầu theo vốn hóa thị trường

Ngành	Số lượng công ty	GTVH điều chỉnh free-float (Tỷ đồng)	Tỷ trọng
Công nghiệp	58	39,970	27.92%
Nguyên vật liệu	36	20,827	14.55%
Bất động sản	27	18,706	13.07%
Tài chính	13	17,904	12.51%
Khu vực tiêu dùng	27	16,834	11.76%

Thông tin cơ bản

Ngày cơ sở: 24/01/2014
 Giá trị cơ sở: 560.19
Hình thức tính: Chỉ số giá và Chỉ số tổng thu nhập
Tần suất tính:
 - VNSmallcap: Theo thời gian thực (5 giây/ lần)
 - VNSmallcapTRI: Cuối ngày giao dịch (1 ngày/lần)
Giới hạn tỷ trọng vốn hóa: 10%
Phương pháp tính: Giá trị vốn hóa thị trường điều chỉnh free-float.
Đơn vị tiền tệ: VND

Độ biến động chỉ số

	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	5 năm
VNSmallcap	9.64%	11.36%	16.35%	31.06%	48.81%

Độ tương quan chỉ số với VN Index

	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	5 năm
VNSmallcap	83.94%	77.21%	77.08%	84.02%	82.93%

10 công ty đứng đầu theo vốn hóa thị trường

	Cổ phiếu	Ngành	GTVH điều chỉnh free-float (Tỷ đồng)	Tỷ trọng
1	ORS	Tài chính	7,384	5.16%
2	HAH	Công nghiệp	5,583	3.90%
3	BAF	Tiêu dùng thiết yếu	4,932	3.45%
4	DBD	Chăm sóc sức khỏe	3,772	2.64%
5	PET	Công nghiệp	3,246	2.27%
6	IIC	Công nghiệp	3,195	2.23%
7	DPG	Công nghiệp	2,653	1.85%
8	DHC	Nguyên vật liệu	2,593	1.81%
9	HHS	Khu vực tiêu dùng	2,527	1.77%
10	PTB	Khu vực tiêu dùng	2,213	1.55%
	Tổng cộng		38,100	26.62%

Lưu ý:
 "VN30", "VNMidcap", "VNSmallCap", "VN100", "VNAllshare" và "VNAllshare Sector" (gọi chung là "HOSE-Index") là thương hiệu đã được đăng ký, thuộc sở hữu độc quyền của Sở GDCK Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE). Chỉ khi có sự chấp thuận của HOSE thì Bộ chỉ số HOSE-Index mới có thể được sử dụng để tạo ra các sản phẩm liên quan như quỹ đầu tư theo chỉ số, sản phẩm phái sinh, Để biết thêm thông tin xin vui lòng liên hệ qua e-mail: index@hsx.vn
 Bản công bố này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin. HOSE đã nỗ lực hết mức có thể để cung cấp thông tin chính xác, tuy nhiên sẽ không có nghĩa vụ pháp lý hoặc trách nhiệm nào cho HOSE cũng như ban giám đốc, cán bộ, nhân viên, đối tác hoặc người nhượng quyền của HOSE liên quan đến sai sót hoặc tổn thất gây ra bởi việc sử dụng bất kỳ thông tin hoặc dữ liệu nào thuộc công bố này.



Sơ lược Quy tắc bộ chỉ số HOSE-Index

Tiêu chí sàng lọc:

1. Tư cách:

- Cổ phiếu có thời gian niêm yết trên HOSE tối thiểu 6 tháng tính đến ngày chốt dữ liệu xem xét.
- Cổ phiếu không thuộc diện bị cảnh báo do vi phạm công bố thông tin, kiểm soát, kiểm soát đặc biệt, tạm ngừng giao dịch (ngoại trừ tạm ngừng giao dịch do thực hiện việc tách/gộp cổ phiếu hoặc chia tách/sáp nhập) trong vòng 03 tháng tính đến ngày chốt dữ liệu xem xét.

2. Tỷ lệ tự do chuyển nhượng (Free-float): Cổ phiếu phải có tỷ lệ free-float cao hơn 10%.

3. Thanh khoản: Cổ phiếu phải có tỷ suất quay vòng chứng khoán tối thiểu là 0.05%.

Phương pháp chọn cổ phiếu vào rổ chỉ số:

1. VNAllshare: Bao gồm tất cả các cổ phiếu đáp ứng các tiêu chí sàng lọc.

2. VN30:

- **Tư cách tham gia vào VN30:** Thuộc tập hợp top 90% Giá trị giao dịch tích lũy của rổ VNAllshare và không thuộc diện bị cảnh báo.
- 20 cổ phiếu lớn nhất theo Giá trị vốn hóa thị trường sẽ được chọn vào VN30. 10 cổ phiếu tiếp theo sẽ được chọn từ các cổ phiếu xếp hạng từ 21 đến 40 theo Giá trị vốn hóa thị trường, các cổ phiếu đã có trong rổ VN30 kỳ trước sẽ được ưu tiên chọn trước.

3. VNMidcap:

- Từ các cổ phiếu của VNAllshare không bao gồm 30 cổ phiếu của VN30, 40 cổ phiếu lớn nhất theo Giá trị vốn hóa thị trường sẽ được chọn vào rổ VNMidcap.
- 30 cổ phiếu tiếp theo sẽ được chọn từ các cổ phiếu xếp hạng từ 41 đến 80 theo Giá trị vốn hóa thị trường, các cổ phiếu đã có trong rổ VNMidcap kỳ trước sẽ được ưu tiên chọn trước.

4. VN100: Bao gồm các cổ phiếu thành phần của chỉ số VN30 và VNMidcap.

5. VNSmallcap: Bao gồm các cổ phiếu còn lại của VNAllshare sau khi loại trừ các cổ phiếu thành phần của chỉ số VN100.

Chuẩn phân ngành GICS®

GICS® (Global Industry Classification Standard) là chuẩn phân ngành dành cho thị trường chứng khoán do S&P kết hợp với MSCI xây dựng. Thông tin về chuẩn phân ngành GICS® được MSCI và S&P chịu trách nhiệm quản lý và công bố.

Các cổ phiếu niêm yết trên HOSE được MSCI và S&P trực tiếp phân ngành và thông tin phân ngành được cập nhật tại trang chủ của HOSE : www.hsx.vn.

Việc xem xét và cập nhật phân ngành cho các cổ phiếu thành phần của Bộ chỉ số ngành sẽ được thực hiện định kỳ 06 tháng/lần vào cùng ngày chốt dữ liệu xem xét định kỳ chỉ số.

